

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**.

2. Ông **Nguyễn Văn Trí**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Kiệt**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Lộc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993 (Có mặt).

Cư trú: Số 1044/20, ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Phan Trọng D**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh D tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không quan tâm

gia đình, không lao động nên vợ chồng thường hay mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Đến tháng 5 năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Trọng D.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Phan Trọng D được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Chị H, anh D kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 31/7/2015 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Do anh D không lo làm ăn để chăm lo cho cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và ly thân từ ngày 16/5/2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu xin ly hôn đối với anh D. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Mặt khác, trong thời gian ly thân, chị H và anh D không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên việc chị H yêu cầu xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Phan Trọng D, anh D có nơi cư trú ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Bị đơn anh Phan Trọng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D là có căn cứ.

- Về pháp luật nội dung: [3] Chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Phan Trọng D. Chị H và anh D có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc chị H xin ly hôn và triệu tập anh D tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị H. Theo biên bản xác minh ngày 08/01/2018 của Tòa án tại địa phương, do vợ chồng anh D, chị H mâu thuẫn nên anh D về địa phương để sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ yếu là anh D không quan tâm gia đình, thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Không có.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[6] Về quan hệ nợ chung: Không có.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phan Trọng D.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phan Trọng D.

- **Về quan hệ con chung:** Không có.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Không có.

- **Về quan hệ nợ chung:** Không có. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H trình bày không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị

Nguyễn Thị H và anh Phan Trọng D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0018860 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 09 tháng 11 năm 2017. Chị H đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã **P**;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

